

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122067101707 - V t l ĩ E i c ng 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571011768	36CLC-CĐ	Nguy n H u Anh	Tu n	28/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
2	3671010091	36CLC-CĐ	Tr n Qu c	Vĩ t	14/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
3	3671040043	36CLC-CĐ	Nguy n Anh	Ki t	14/10/1994				8.0			8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
4	3671040058	36CLC-CĐ	ñ @ Nguy ² n	Cát	28/08/1994				8.0			8.0	2.4	2.5	1.8	4.2	
5	3671040068	36CLC-CĐ	Tr n V ñ	Du n	06/02/1994				8.0			8.0	2.4	1.0	0.7	3.1	
6	3671040078	36CLC-CĐ	Tr n ñ ã nh	Nam	29/12/1994				8.0			8.0	2.4	2.0	1.4	3.8	
7	3671040081	36CLC-CĐ	Nguy n Th Minh	Khôi	27/10/1994				9.0			9.0	2.7	0.0	0.0	2.7	
8	3671040082	36CLC-CĐ	Nguy n Cao	Huy	27/05/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
9	3671040084	36CLC-CĐ	Nguy n ñ c	An	05/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
10	3671040092	36CLC-CĐ	Nguy n Quang	Thái	11/12/1994				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	N HP
11	3671040193	36CLC-CĐ	Ph m	L i	19/03/1994				5.0			5.0	1.5	2.8	2.0	3.5	
12	3671040197	36CLC-CĐ	Nguy n T n	Tĩnh	19/03/1994				7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
13	3671040226	36CLC-CĐ	Nguy n Thanh	Tùng	02/04/1994				7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
14	3671040237	36CLC-CĐ	Lê Thanh	H i	12/01/1994				6.0			6.0	1.8	2.3	1.6	3.4	
15	3671040284	36CLC-CĐ	Nguy n Ti n	S	09/01/1994				8.0			8.0	2.4	2.5	1.8	4.2	
16	3671040350	36CLC-CĐ	Ph ã ng V ñ	Sang	25/04/1994				5.0			5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
17	3671040372	36CLC-CĐ	Nguy n T ã ng	Chinh	27/12/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
18	3671040386	36CLC-CĐ	Nguy n Minh	Quang	14/07/1994				6.0			6.0	1.8	5.8	4.1	5.9	
19	3671040457	36CLC-CĐ	H C » ng	Tu n	13/10/1994				8.0			8.0	2.4	1.8	1.3	3.7	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101707 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671040508	36CLC-CĐ	Nguy n Tu n D ấ y	14/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
21	3671040535	36CLC-CĐ	Nguy n Nh t M í nh	09/04/1994				8.0			8.0	2.4	2.3	1.6	4.0	
22	3671040560	36CLC-CĐ	Tr ng Thanh B í nh	18/06/1994				5.0			5.0	1.5	3.3	2.3	3.8	
23	3671040641	36CLC-CĐ	ấ ấ Gia B o	26/07/1994				9.0			9.0	2.7	1.5	1.1	3.8	
24	3671040690	36CLC-CĐ	Tr n H i u Nh ấ n	29/04/1994				8.0			8.0	2.4	1.8	1.3	3.7	
25	3671040702	36CLC-CĐ	Nguy n T i n D ấ ấ	16/08/1993				7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
26	3671040736	36CLC-CĐ	T V ấ Nh H ó a	01/10/1993				7.0			7.0	2.1	3.8	2.7	4.8	
27	3671040843	36CLC-CĐ	Tr n Thanh Giang	02/05/1994				8.0			8.0	2.4	0.0	0.0	2.4	
28	3671040857	36CLC-CĐ	V H ấ n H i	14/08/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
29	3671040936	36CLC-CĐ	Trang Thanh Trung	25/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
30	3671040959	36CLC-CĐ	Lê Công Tri u	14/05/1994				5.0			5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	
31	3671040997	36CLC-CĐ	B ấ D ấ y Kh ấ nh	23/07/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
32	3671041110	36CLC-CĐ	Nguy n H u C nh	07/10/1994				6.0			6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	
33	3671041131	36CLC-CĐ	Nguy n M í nh Trai	00/01/1900				7.0			7.0	2.1	3.3	2.3	4.4	
34	3671041133	36CLC-CĐ	Tr n Anh D ấ ấ	03/10/1994				7.0			7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
35	3671041188	36CLC-CĐ	Nguy n V ấ Nh C ng	22/10/1994				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
36	3671041572	36CLC-CĐ	Nguy n H o ấ ng Ph ú c	20/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
37	3671041602	36CLC-CĐ	Tr n Ng c Th ấ nh	23/08/1994				8.0			8.0	2.4	1.3	0.9	3.3	
38	3671041641	36CLC-CĐ	Ph m S n H ầ ng	02/04/1994				7.0			7.0	2.1	6.3	4.4	6.5	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ Nñm h c : 2012-2013 ã VHT : 2
H ã T : H c ph n : 122067101707 - V t lĩ E i c ng 2 H c km : HK02
(30,0,0,0,0,0)

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671041838	36CLC-CĐ	Nguy n Duy	Khánh	13/10/1994				8.0			8.0	2.4	0.0	0.0	2.4	
40	3671041850	36CLC-CĐ	B ã i L ² Tu n	Phong	07/01/1994				7.0			7.0	2.1	1.8	1.3	3.4	
41	3671041895	36CLC-CĐ	Tr n Kh i	C ng	21/05/1993				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
42	3671041906	36CLC-CĐ	Nguy n C»ng	Thanh	02/12/1993				6.0			6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
43	3671041940		L ² Ti n	Th ng	20/06/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
44	3671041945	36CLC-CĐ	L ² Ti n	Th ng	20/06/1992				8.0			8.0	2.4	0.0	0.0	2.4	
45	3671041948	36CLC-CĐ	Nguy n ã c	Linh	18/03/1994				7.0			7.0	2.1	2.3	1.6	3.7	
46	3671041956	36CLC-CĐ	Nguy n H u	Nam	08/11/1994				8.0			8.0	2.4	3.5	2.5	4.9	
47	3671041997	36CLC-CĐ	Ph m M c Quang	Khuê	13/08/1994				8.0			8.0	2.4	1.5	1.1	3.5	

T ng s : 47 h c sinh sinh vi² n
Tr ng Khoa Gi" o Vi² n B M»n Tp.HCM, ngày / /
Gi" o V Khoa